

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Toàn
- Bà Trần Ngọc Bảo Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2023/TB-TLVA ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: **số B, ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.**

- Bị đơn: **Anh Lê Hồng S**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2023 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích H** trình bày:

Chị và anh **Lê Hồng S** cưới nhau và chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Long An**. Vợ chồng chung

sống có 01 con chung tên **Lê Nguyễn Gia H1** sinh ngày 26/6/2016, không có tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh **S** không quan tâm chăm sóc gia đình, chị về nhà cha mẹ ruột chị ở từ đầu năm 2016, anh **S** vẫn tới lui thăm chị và con, đến đầu năm 2023, chồng chị đến thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm nhau, không còn sinh hoạt vợ chồng. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh **S**. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **H1**, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 08 tháng 12 năm 2023, bị đơn anh **Lê Hồng S** trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị **H** về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do hoàn cảnh nên vợ chồng không sống chung nhà, anh ở chung với cha mẹ anh tại **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang** còn vợ anh sống cùng cha mẹ vợ tại **xã A, thành phố T, tỉnh Long An**. Thời gian qua, hàng tuần anh đều đến thăm vợ, con. Từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn sinh hoạt vợ chồng nhưng vẫn qua lại với nhau bình thường, không có cãi vả hay phát sinh mâu thuẫn gì. Nay, anh không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì và anh còn thương vợ, thương con. Anh xin thời gian để sửa đổi và tìm cách hàn gắn tình cảm. Nếu sau 01 tháng, vợ chồng không hàn gắn được thì anh đồng ý ly hôn theo ý của chị **H**. Về con chung, nếu ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị **H** nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Lê Hồng S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Hồng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2015, quyển số 01/2015 ngày 01/4/2015. Như vậy, chị H và anh S có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Hồng S là hợp pháp.

[3.1.2] Chị H yêu cầu ly hôn với anh S vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2023 nguyên nhân do vợ chồng không sống chung nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh S không đồng ý ly hôn với chị H và hứa sửa đổi, hàn gắn tình cảm nhưng đến nay không hàn gắn được. Xét thấy, giữa chị H và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Hồng S chung sống có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H1 sinh ngày 26/6/2016. Hiện cháu H1 đang được chị H nuôi dưỡng. Chị H và anh S thống nhất giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, thời gian qua, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu H1. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu H1, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét thấy, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, tuy không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh S là người không trực tiếp nuôi con đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh S cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 2.000.000đồng.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị **Nguyễn Thị Bích H** phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh **Lê Hồng S** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích H**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Bích H** được ly hôn với anh **Lê Hồng S**.

- Về con chung:

Giao con chung tên **Lê Nguyễn Gia H1** sinh ngày 26/6/2016 cho chị **Nguyễn Thị Bích H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh **Lê Hồng S** cấp dưỡng nuôi cháu **Lê Nguyễn Gia H1** mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu **Lê Nguyễn Gia H1** thành niên.

Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị Bích H** có yêu cầu thi hành án, nếu anh **Lê Hồng S** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh **Lê Hồng S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích H** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị **Nguyễn Thị Bích H** đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0010563 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

Bị đơn anh **Lê Hồng S** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc